Số: 46/2025/QĐ-UBND
Thời gian ký: 07/05/2025 17:11:45 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HUẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH
**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế**

*(Kèm theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 Ủy ban nhân dân thành phố Huế)*

## Chương I
## VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

### Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Chăn nuôi và Thú y là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về Chăn nuôi và Thú y; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật và sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y (viết tắt là Chi cục) chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

## Chương II
## NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

2. Tham mưu lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất

thải và bảo vệ môi trường; tổng hợp, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; tham mưu chính sách khôi phục chăn nuôi sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn thành phố; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện công tác quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn thành phố sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

7. Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật.

8. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn thành phố; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ , đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ theo lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật và sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; cải cách tài chính công và công tác chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm trong Chi cục; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

12. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

13. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

## Chương III
## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

### Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục:

Chi cục gồm có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục và là người đại diện theo pháp luật của Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

b) Phó Chi cục trưởng phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về kết quả công tác được giao; thay mặt Chi cục trưởng giải quyết các công việc của Chi cục khi Chi cục trưởng vắng mặt theo sự phân công;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các phòng thuộc Chi cục:

- Phòng Hành chính tổng hợp;

- Phòng Quản lý dịch bệnh;

- Phòng Chăn nuôi;

- Phòng Thú y cộng đồng.

b) Các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục

- Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Hương Trà;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Hương Thủy;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Phong Điền;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Quảng Điền;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Vang;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Lộc;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện A Lưới.

c) Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, trực thuộc Chi cục; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4. Về biên chế**

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế của thành phố do cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch biên chế trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật./.